

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:363/2021/HNGĐ-ST

Ngày 13 tháng 4 năm 2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Đẹp

2. Ông Dương Văn Quý

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phụng Nghĩa - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1279/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà L T X L, sinh 1986 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 84/5A ấp X 3, xã X, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông T H D, sinh 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: 84/5A ấp X 3, xã X, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/11/2020, bản tự khai ngày 29/12/2020 và các biên bản hòa giải không được, nguyên đơn bà L T X L trình bày:

Bà L T X L và ông T H D tự nguyện tìm hiểu, cưới và đăng ký kết hôn ngày 10/7/2008 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận kết hôn số 107/36, quyển số 2. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, từ năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do ông D ghen tuông vô cớ đánh đập, gây gổ, không tôn trọng lẫn nhau, xúc phạm nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay.

Bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có nguyện vọng được ly hôn với ông T H D.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con tên T H L D, sinh ngày 13/10/2008. Sau khi ly hôn bà L T X L yêu cầu trực tiếp được nuôi con và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L T X L khai không có.

Bị đơn ông T H D, trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông D nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Ngày 01/3/2021, bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi hội đồng xét xử nghị án, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn xét thấy Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, các Hội thẩm nhân dân đều tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phần nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà L T X L và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà L T X L khởi kiện ly hôn với ông T H D. Bị đơn ông T H D cư trú tại 84/5A ấp X 3, xã X, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng:

Ngày 01/3/2021, bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông T H D, trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông D nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Căn cứ vào các Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Bà L T X L yêu cầu được ly hôn với ông T H D. Về con chung: 01 con tên T H L D, sinh ngày 13/10/2008. Sau khi ly hôn bà L T X L yêu cầu trực tiếp được nuôi con và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L khai không có.

[3.1] Về yêu cầu ly hôn: Bà L T X L yêu cầu được ly hôn với ông T H D.

Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Bà L T X L và ông T H D đăng ký kết hôn ngày 10/7/2008 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận kết hôn số 107/36, quyền số 2. Theo Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của bà L và ông D là hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Trong đơn kiện và trong các bản tự khai của bà L thể hiện, quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, từ năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do ông D ghen tuông vô cớ đánh đập, gây gổ, không tôn trọng lẫn nhau, xúc phạm nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay.

Bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có nguyện vọng được ly hôn với ông T H D.

Bị đơn ông T H D, trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông D nhưng vắng mặt không rõ lý do. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà L và ông D quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và bà L cương quyết ly hôn nên khả năng đoàn tụ giữa bà L với ông D lại càng không có. Do đó bà L yêu cầu được ly hôn với ông D là có cơ sở theo Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Có 01 con tên T H L D, sinh ngày 13/10/2008.

Bà L yêu cầu trực tiếp nuôi trẻ D, trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông D vắng mặt, nguyện vọng của trẻ D muốn được ở với bà L nên bà L yêu cầu trực tiếp nuôi con là có cơ sở chấp nhận.

Việc bà L không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L khai không có, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn là có cơ sở pháp lý.

Chính vì những phân tích nêu trên nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà L T X L với ông T H D về ly hôn; con chung; tài sản chung; nợ chung.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng: Bà L T X L phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 264; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L T X L với ông T H D.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L T X L được ly hôn với ông T H D.

[1.2] Về con chung: 01 con tên T H L D, sinh ngày 13/10/2008.

Giao trẻ tên T H L D cho bà L T X L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116

của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

[1.3] Về tài sản, nợ chung: Bà L T X L khai không có.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng: Bà L T X L phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0076874 ngày 24/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh
(giấy chứng nhận kết hôn số 107/36,
quyển số 2 ngày 10/7/2008);
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ánh Nguyệt

